

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯ VIỆN TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI

LÊ MINH NGUYỆT* - TRẦN THỊ TỐ TRINH**

Ngày nhận bài: 07/08/2016; ngày sửa chữa: 11/08/2016; ngày duyệt đăng: 12/08/2016.

Abstract: The article mentions a study on library operation management conducted in primary schools of Ba Dinh district, Hanoi with methods of questionnaire survey and in-depth interview. The research results show that primary schools have interested in their library operations and organization, but some libraries work moderately because of lacking of investment and concerns. Therefore, libraries have not promoted the role of culture centers in schools.

Keywords: Management, library operations, primary schools, Ba Dinh district.

1. Thư viện trường học là một bộ phận cơ sở vật chất trọng yếu, trung tâm sinh hoạt văn hóa và khoa học của nhà trường, là bộ phận không thể thiếu trong việc hình thành môi trường văn hóa học đường. Đây là nơi lưu giữ, cung cấp, bổ sung, cập nhật kiến thức để cho những bài giảng thêm phong phú và sinh động, giúp giáo viên (GV) tiếp cận với những phương pháp dạy học tiên tiến, tích cực. *Thư viện trường tiểu học* (TH) là nơi tiếp xúc đầu tiên của trẻ em với thư viện và văn hóa đọc. Một thư viện trường TH, ngoài mục đích cung cấp sách báo, tạp chí cho hoạt động học của học sinh (HS) còn góp phần khơi gợi hứng thú và kích thích trẻ em phát triển kĩ năng đọc. Thư viện không chỉ đơn thuần là nơi cung cấp tài liệu cho GV, HS mà còn góp phần tích cực vào việc xây dựng cộng đồng những người có kĩ năng học tập suốt đời. Việc hình thành thói quen tự học, tự đọc phải được xây dựng và “vun đắp” từ thời đi học; thư viện trường học chính là nơi hỗ trợ, tạo điều kiện để HS hình thành kĩ năng đó. Khi đã trưởng thành, kĩ năng học tập suốt đời cần được nuôi dưỡng và thư viện cũng chính là một trong những nơi nuôi dưỡng niềm đam mê học tập suốt đời cho con người.

Thư viện trường học, đặc biệt là thư viện trường TH, hiện nay còn yếu cả về số lượng và chất lượng, chưa thực sự thể hiện vai trò là trung tâm sinh hoạt văn hóa, khoa học của nhà trường, chưa thực hiện được vai trò xây dựng thói quen tự học, tự nghiên cứu cho HS. Chính vì vậy, cần tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động thư viện (HĐTV) các trường TH, để từ đó đề xuất giải pháp phát triển thư viện các trường TH cả về số lượng và chất lượng, nâng cao

hiệu quả hoạt động của các thư viện trường TH trong tình hình hiện nay.

2. Thực trạng quản lý HĐTV ở các trường TH quận Ba Đình, Hà Nội

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch HĐTV

TT	Lập kế hoạch	Mức độ thực hiện	
		ĐTB	Xếp bậc
1	Lập kế hoạch HĐTV theo năm học, tháng, tuần	2,7	1
2	Lập kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng phối hợp hoạt động	2,2	4
3	Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động thu hút toàn thể GV và HS tham gia sinh hoạt thư viện như: giới thiệu sách, điểm sách, thông báo sách mới, phát động HS đọc sách, triển lãm sách, thi kể chuyện sách,...	1,9	7
4	Lập kế hoạch tổ chức cho GV và HS đọc sách ở thư viện	2,5	2
5	Lập kế hoạch đầu tư mua sắm cơ sở vật chất cho thư viện	2,0	6
6	Lập kế hoạch cung ứng sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ cho GV và HS.	2,45	3
7	Lập kế hoạch kiểm kê tài sản của thư viện, thanh lí các ấn phẩm rách nát, nội dung thay đổi hoặc đã hết hạn sử dụng.	2,15	5

Chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp: quan sát, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia, thống kê toán học; tiến hành khảo sát bằng

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** Trường Tiểu học Ba Đình, Hà Nội

phiếu đối với 60 cán bộ quản lý và nhân viên thư viện tại 20 trường TH quận Ba Đình, TP. Hà Nội vào tháng 5/2016. Kết quả thu được như sau:

2.1. Thực trạng lập kế hoạch HĐTV (bảng 1)

Bảng 1 cho thấy, xếp vị trí thứ 1 là “Lập kế hoạch HĐTV theo năm học, tháng, tuần”, điều này khẳng định, các nhà trường đã quan tâm đến việc lập kế hoạch hoạt động cho thư viện và thực hiện tốt việc lập kế hoạch theo năm học, tháng, tuần. Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý của một số trường TH, chúng tôi được biết, ngay từ đầu năm học, các trường đều xây dựng kế hoạch HĐTV dựa theo hướng dẫn kế hoạch năm học của Phòng GD-ĐT quận Ba Đình. Phòng GD-ĐT quận thường yêu cầu các trường xây dựng kế hoạch công tác thư viện từ đầu năm học và gửi về báo cáo với phòng. Tuy nhiên, nội dung kế hoạch của các trường còn chung chung, chưa cụ thể, thường căn cứ vào kế hoạch chung của quận, kế hoạch của các năm học khá giống nhau, ít có những sáng kiến đột phá nhằm thúc đẩy hoạt động của thư viện nhà trường. “Lập kế hoạch tổ chức cho GV và HS đọc sách tại thư viện” đứng ở vị trí thứ 2 với điểm đánh giá trung bình là 2,5; điều này cho thấy, việc lập kế hoạch tổ chức cho GV và HS đọc sách ở thư viện luôn được các nhà trường quan tâm thực hiện. Việc “Lập kế hoạch cung ứng sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ cho GV và HS” cũng được các nhà trường quan tâm thực hiện tương đối tốt với điểm đánh giá trung bình là 2,45 (xếp bậc thứ 3 trong bảng đánh giá). “Lập kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng phối hợp hoạt động” và “Lập kế hoạch kiểm kê tài sản của thư viện, thanh lý các ấn phẩm rách nát, nội dung thay đổi hoặc đã hết hạn sử dụng” đứng thứ 4 và thứ 5, với điểm đánh giá là 2,2 và 2,15. “Lập kế hoạch đầu tư mua sắm cơ sở vật chất cho thư viện” đứng thứ 6, điểm đánh giá trung bình là 2,0. Điều này cho thấy, việc lập kế hoạch mua sắm cơ sở vật chất thực hiện chưa thật tốt, đó cũng chính là lí do vì sao ở một số trường, số lượng sách trong thư viện còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu tìm đọc tài liệu nâng cao trình độ chuyên môn cho GV. Đứng cuối cùng trong bảng đánh giá là “Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động thu hút toàn thể GV và HS tham gia sinh hoạt thư viện như: giới thiệu sách, điểm sách, thông báo sách mới, phát động HS đọc sách, triển lãm sách, thi kể chuyện sách,...” (điểm trung bình là 1,9). Từ kết quả khảo sát và điều tra phỏng vấn, có thể thấy, các trường đã quan tâm đến việc lập kế hoạch HĐTV nhưng kế hoạch hoạt động chủ yếu hướng đến việc tổ chức

cho HS đọc sách ở thư viện, chưa có nhiều hoạt động sôi nổi nhằm thu hút bạn đọc đến với thư viện, cũng như khơi gợi niềm yêu thích và thói quen đọc sách, tự học cho HS. Nếu để lâu dài, tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của thư viện các nhà trường, khó thực hiện được mục tiêu “đưa thư viện trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa của nhà trường”.

2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch HĐTV (bảng 2)

Bảng 2. Kết quả tổ chức thực hiện HĐTV

TT	Tổ chức thực hiện	Mức độ thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc
1	Thành lập tổ công tác thư viện	2,6	1
2	Quy định chức năng, nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ công tác thư viện	2,45	2
3	Xây dựng quy chế phối hợp trong HĐTV	2,0	5
4	Ban hành văn bản hướng dẫn về công tác thư viện	2,25	3
5	Thực hiện các HĐTV theo kế hoạch	2,2	4

Bảng 2 cho thấy, các trường TH quận Ba Đình đã quan tâm tới công tác thư viện nhưng việc tổ chức thực hiện chưa thật tốt. Đối tượng được khảo sát đã khẳng định “Thành lập tổ công tác thư viện” là tốt nhất (xếp thứ 1) với điểm đánh giá trung bình là 2,6. Xếp thứ 2 (với điểm đánh giá trung bình là 2,45) là “Quy định chức năng, nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ công tác thư viện”. Như vậy, việc thành lập tổ công tác thư viện và quy định chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong tổ công tác được các nhà trường thực hiện đúng hướng dẫn của cấp trên. Việc “Ban hành văn bản hướng dẫn về công tác thư viện” và “Thực hiện các HĐTV theo kế hoạch” được đánh giá với điểm trung bình là 2,25 và 2,2. Điều này cho thấy, cán bộ quản lý và nhân viên thư viện chưa đánh giá cao việc ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác thư viện và việc “Thực hiện các HĐTV theo kế hoạch” được đánh giá ở mức khá tốt.

Qua phỏng vấn cán bộ thư viện nhà trường, chúng tôi thấy, phần lớn HĐTV mặc nhiên do cán bộ thư viện làm theo thói quen, một số thành viên của tổ công tác thư viện có tên trong quyết định thành lập tổ công tác cho đủ thành phần, chưa nhận thức được rõ nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên trường có kế hoạch mua sắm cơ sở vật chất cho thư viện nhưng vẫn chưa dành kinh phí thỏa đáng

cho việc mua sắm sách báo và các tài liệu khác nên nguồn tài nguyên này trong thư viện nghèo nàn, xuống cấp, không đáp ứng được nhu cầu đọc của GV và HS, thư viện hoạt động chưa thật hiệu quả. Việc kiểm kê, thanh lí sách được các nhà trường thực hiện đều đặn hàng năm nhưng một số trường còn làm chiếu lệ, vẫn còn nhiều thư viện lưu giữ những sách quá cũ, không còn giá trị sử dụng, ít đầu tư mua sắm thêm sách mới nên kho sách trong thư viện chưa phong phú, không hấp dẫn người đọc, không giúp ích được nhiều cho GV và HS trong giảng dạy và học tập.

Xếp cuối cùng là “*Xây dựng quy chế phối hợp trong HĐTV*” với điểm trung bình 2,0. Điều này chứng tỏ các nhà trường chưa thực sự quan tâm tới việc xây dựng quy chế phối hợp các lực lượng trong HĐTV.

2.3. Kiểm tra, đánh giá HĐTV (bảng 3)

Bảng 3. Mức độ thực hiện các phương thức đánh giá kết HĐTV

TT	Các phương pháp đánh giá	Mức độ thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc
1	Thường xuyên	2,15	4
2	Theo học kì	2,45	1
3	Theo năm học	2,45	1
4	Có nội dung tiêu chí rõ ràng	2,2	3
5	Đánh giá đầy đủ các mặt, khách quan, vô tư	2,25	2
6	Phối hợp với đánh giá của các tổ chức trong nhà trường	2,0	5

Bảng 3 cho thấy, việc đánh giá kết quả HĐTV được nhà trường tiến hành “*Theo học kì*” và “*Theo năm học*” cùng có kết quả cao nhất, với số điểm trung bình là 2,45; “*Đánh giá đầy đủ các mặt, khách quan, vô tư*” có số điểm trung bình đứng thứ hai với 2,25 điểm; “*Có nội dung tiêu chí rõ ràng*” có số điểm trung bình đứng thứ ba với 2,2 điểm; nội dung có điểm trung bình thấp là “*Phối hợp với đánh giá của các tổ chức trong nhà trường*” (2,0 điểm).

Khi phỏng vấn cán bộ quản lí, đa số các ý kiến đều khẳng định “*Hàng tháng, Ban giám hiệu thực hiện kiểm tra thư viện theo kế hoạch kiểm tra nội bộ. Nhà trường đánh giá HĐTV theo từng học kì và theo năm học. Việc đánh giá được thực hiện trong cuộc họp liên tịch bình bầu thi đua cuối học kì và cuối năm. Ban thi đua nhà trường tham khảo ý kiến của các cán bộ, GV trong liên tịch và đưa ra kết luận đánh giá về hoạt động của thư viện nhà trường*”.

2.4. Thực trạng quản lí các nguồn lực phục vụ HĐTV (bảng 4)

Bảng 4. Kết quả đánh giá về việc quản lí các nguồn lực phục vụ HĐTV

TT	Các nội dung quản lí	Mức độ thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc
1	Quản lí cán bộ làm công tác thư viện	2,45	2
2	Quản lí vốn tài liệu, phòng thư viện, trang thiết bị trong thư viện	2,5	1
3	Quản lí thông qua phần mềm quản lí thư viện	2,05	5
4	Quản lí nguồn tài chính chi cho thư viện	2,2	4
5	Huy động các lực lượng xã hội tham gia HĐTV	2,0	6
6	Huy động các nguồn tài chính hỗ trợ HĐTV	1,9	7
7	Quản lí thời gian cho HĐTV	2,25	3

Bảng 4 cho thấy, việc “*Quản lí vốn tài liệu, phòng thư viện, trang thiết bị trong thư viện*” được các nhà trường quan tâm nhất với điểm đánh giá trung bình là 2,5. Công tác “*Quản lí cán bộ làm công tác thư viện*” cũng được các trường rất coi trọng với điểm đánh giá là 2,45, đứng thứ 2 trong bảng đánh giá. Điều này cũng dễ hiểu bởi, cán bộ thư viện có nghiệp vụ tốt sẽ hoàn thành tốt công việc. Quản lí tốt cán bộ thư viện là cách hiệu quả để quản lí thư viện. “*Quản lí thông qua phần mềm quản lí thư viện*” được thực hiện chưa tốt, đứng thứ 5 trong bảng đánh giá. Việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lí thư viện chưa được thực hiện tốt có lẽ do trình độ của cán bộ thư viện còn hạn chế.

Kết quả đánh giá cũng cho thấy, việc “*Huy động các nguồn tài chính hỗ trợ cho thư viện*” và “*Huy động các lực lượng xã hội tham gia HĐTV*” chưa được quan tâm nhiều với điểm đánh giá chỉ là 1,9 và 2,0; đứng cuối bảng đánh giá. Hiện nay, công tác xã hội hóa giáo dục đã được đẩy mạnh, nhờ làm tốt công tác xã hội hóa mà các nhà trường đã trang bị được nhiều phương tiện dạy học hiện đại cho các lớp học cũng như mua sắm thiết bị, cải tạo trường lớp sạch đẹp hơn. Tuy nhiên, hầu hết các nhà trường chỉ chú ý đầu tư cho các lớp học còn thư viện nhà trường thì chưa được quan tâm.

Qua điều tra, chúng tôi nhận thấy, tài liệu trong thư viện thường là sách giáo khoa, sách giáo viên và một số sách nghiệp vụ, HS chưa tìm đọc được các tài liệu hỗ trợ cho việc học tập tại thư viện, đa phần sách các em đọc tại thư viện là truyện thiếu nhi, truyện cổ tích, truyện lịch sử,...

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các trường TH quận Ba Đình đã quan tâm xây dựng kế hoạch HĐTV và tổ chức HĐTV trong nhà trường. Tuy nhiên, kế hoạch (Xem tiếp trang 5)

cho NSNN; điều này càng có ý nghĩa hơn trong điều kiện khó khăn của NSNN giai đoạn tới. Theo hướng đó, chúng tôi khuyến nghị một số nội dung sau:

2.1. Bảo đảm thực hiện đầy đủ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP trong việc tạo cơ chế làm việc để sở GD-ĐT chủ động phối hợp với sở tài chính, sở kế hoạch và đầu tư trong việc xác định nguồn tài chính phù hợp với hoạt động của ngành giáo dục trong kế hoạch hàng năm. Ngành giáo dục phải được tham gia để thực hiện đầy đủ các chức năng về quản lý nhà nước, từ khâu lập kế hoạch tài chính, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện, theo đúng nguyên tắc của lập kế hoạch chiến lược và quản lý kế hoạch dựa vào kết quả mà Chính phủ đang chỉ đạo ứng dụng.

2.2. Điều chỉnh phân cấp quản lý ngân sách ở địa phương trên cơ sở tự chủ, nhưng phải tuân thủ một số nguyên tắc chung cho tất cả các tỉnh là bảo đảm sự tham gia của cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong quy trình lập, chấp hành và quyết toán NSNN.

2.3. Xây dựng cơ chế hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho các trường ngoài công lập theo đầu học sinh (theo hình thức đặt hàng), nhằm thay thế hình thức hỗ trợ tương tự như trường bán công trước đây và tạo điều kiện phát triển bình đẳng với trường công lập. Nếu thực hiện được cơ chế này, hệ thống trường ngoài công lập sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, giảm được gánh nặng về biên chế và đầu tư xây dựng cho nhà nước, là hai khoản chi phí cơ bản và lớn nhất trong phát triển GDMN. Nhiều nước trên thế giới (điển hình như Australia, Canada) đã áp dụng hình thức này rất có hiệu quả, Việt Nam có thể nghiên cứu để vận dụng.

2.4. Tổ chức mô hình Trung tâm GDMN dựa vào cộng đồng, hình thành một loại cơ sở GDMN kiểu mới, nhằm thu hút các dịch vụ chăm sóc trẻ theo phương thức tự trang trải chi phí, góp phần xã hội hóa về nguồn lực tài chính để phục vụ đặc lực cho mục tiêu phát triển của nhà trường. Mô hình này hiện rất phổ biến ở Australia, Canada, Mêhico; Việt Nam cần nghiên cứu để vận dụng.

2.5. Hoàn thiện các quy định về hợp tác công, tư; tạo cơ chế thông thoáng để các tổ chức, cá nhân đầu tư vào GDMN; nhằm huy động có hiệu quả các nguồn tài chính cho đầu tư phát triển GDMN. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam Ministry of Education and Training, UNESCO Institute for Statistics (2016). *Education Financing in Viet Nam 2009-2013* (following the National Education Accounts methodology), Ha Noi.
[2] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-*

2015 (ban hành theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

[3] Thủ tướng Chính phủ (2002). *Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách phát triển Giáo dục mầm non.*

[4] Thủ tướng Chính phủ (2006). *Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015”.*

[5] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định một số chính sách phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015.*

Thực trạng quản lý hoạt động...

(Tiếp theo trang 12)

mới chỉ ra các việc làm cần thực hiện, thời gian hoàn thành chứ chưa thực sự thể hiện như một chương trình hành động cụ thể. Việc quản lý HĐTV tương đối tốt, bên cạnh đó, còn có một số thư viện chỉ hoạt động “cầm chừng” do thiếu sự đầu tư, quan tâm thích đáng, HĐTV chưa phong phú. Một số nhà trường mới chỉ quan tâm chú trọng đến đầu tư cơ sở vật chất cho các lớp học chứ chưa đầu tư nguồn tài nguyên sách, báo phục vụ cho giảng dạy và học tập của GV và HS. Một số cán bộ quản lý, GV và nhân viên thư viện chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của thư viện trong hoạt động giáo dục của nhà trường nên chưa hỗ trợ tích cực cho công tác này, do đó chưa có những đóng góp thiết thực để xây dựng thư viện xứng tầm là một “trung tâm văn hóa của nhà trường”. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2003). *Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.*
[2] Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2006). *Quản lý giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm.
[3] Vũ Bá Hòa (2009). *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện trường phổ thông.* NXB Giáo dục Việt Nam.
[4] Trần Kiểm - Bùi Minh Hiền (2006). *Quản lý và lãnh đạo nhà trường.* NXB Đại học Sư phạm.
[5] Đàm Thị Kim Liên - Trần Thị Xuân Khóa (2009). *Một số chuyên đề về nghiệp vụ thư viện trường học.* NXB Giáo dục Việt Nam.
[6] Nguyễn Thị Lan Thanh (2014). *Một số vấn đề về quản lý thư viện hiện đại.* Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 5, tr 3-6.
[7] Nguyễn Thị Thu Thảo - Nguyễn Thị Ngọc Linh (2015). *Kĩ năng tổ chức và quản lý thư viện trường học.* NXB Lao Động.